

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG  
TRƯỜNG MẦM NON NGHĨA AN

Khu Nam An

Ngày 09 tháng 04 năm 2026

**I. THỰC ĐƠN**

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo tẻ	Sữa bột Nuvi	Sữa bột Nuvi	Bánh đa cua cải canh
Thịt bò xào giá đỗ	Nuvi	Grow School	
Thịt lợn, tôm dìm cà chua	Grow School	Bánh đa cua cải canh	
Canh cải thảo	School	canh	

**II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:**

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	176	20,000	3,520,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	49	20,000	980,000	
	<b>TỔNG</b>	<b>225</b>		<b>4,500,000</b>	

**III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY**

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	Mẫu giáo		Nhà trẻ		Tổng cộng	
			SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền
1	Gạo tẻ	21000	13.7	287700	2.9	60900	16.6	348600
2	Thịt lợn	140000	4.4	616000	0.5	70000	4.9	686000
3	Tôm	290000	2.3	667000	0.4	116000	2.7	783000
5	Cà chua	25000	2.6	65000	0.2	5000	2.8	70000
6	Giá đỗ	19000	4.8	91200	0.3	5700	5.1	96900
7	Nấm hương	310000	0.16	49600	0.04	12400	0.2	62000
8	Thịt bò	275000	0.7	192500	0.2	55000	0.9	247500
9	Cải thảo	22000	2.8	61600	0.4	8800	3.2	70400
10	Tép tươi	185000	1.1	203500	0.2	37000	1.3	240500
11	Bánh đa	38000	3.4	129200	0.9	34200	4.3	163400
12	Cua đồng	170000	1	170000	1.9	323000	2.9	493000
13	Cải canh	25000	1.2	30000	0.3	7500	1.5	37500
14	Mùi tàu	50000	0.08	4000	0.01	500	0.09	4500
15	Mùi ta	50000	0.08	4000	0.01	500	0.09	4500

16	Hành hoa	40000	0.08	3200	0.02	800	0.1	4000
17	Sữa bột Nuvi	260000	3	780000	0.8	208000	3.8	988000
18	Dầu ăn	75000	1.4	105000	0.3	22500	1.7	127500
19	Nước mắm	40000	0.5	20000	0.1	4000	0.6	24000
20	Hành khô	35000	0.08	2800	0.02	700	0.1	3500
21	Muối	6500	0.3	1950	0.1	650	0.4	2600
22	Hạt nêm	71000	0.5	35500	0.1	7100	0.6	42600
	<b>Cộng tiền</b>			<b>3519750</b>		<b>980250</b>		<b>4500000</b>

#### IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 4,500,000
- Số tiền đã chi: 4500000
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: 0

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG  
TRƯỜNG MẦM NON NGHĨA AN

Khu Nam Nghĩa

Ngày 09 tháng 04 năm 2026

**I. THỰC ĐƠN**

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo tám	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School	Bánh đa cua cải canh
Thịt bò xào giá đỗ		Bánh đa cua cải canh	
Thịt lợn, tôm dim cà chua			
Canh cải thảo			

**II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:**

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	179	20,000	3,580,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	60	20,000	1,200,000	
	<b>TỔNG</b>	<b>239</b>		<b>4,780,000</b>	

**III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY**

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	MẪU GIÁO		CƠM NHÀ TRẺ		TỔNG SỐ LƯỢNG (kg)	CỘNG TIỀN (đồng)
			SL (kg)	Tiền (đồng)	SL (kg)	Tiền (đồng)		
1	Gạo tám	21000	13.9	291900	3.6	75600	17.5	367500
2	Thịt lợn	140000	4.5	630000	0.6	84000	5.1	714000
3	Tôm	290000	2.3	667000	0.6	174000	2.9	841000
5	Cà chua	25000	2.6	65000	0.3	7500	2.9	72500
6	Giá đỗ	19000	5	95000	0.3	5700	5.3	100700
7	Nấm hương	310000	0.16	49600	0.04	12400	0.2	62000
8	Thịt bò	275000	0.7	192500	0.3	82500	1	275000
9	Cải thảo	22000	3	66000	0.5	11000	3.5	77000
10	Tép tươi	185000	1.2	222000	0.2	37000	1.4	259000
11	Bánh đa	38000	3.6	136800	1.2	45600	4.8	182400
12	Cua đồng	170000	1	170000	2.2	374000	3.2	544000

13	Cải canh	25000	1.5	37500	0.5	12500	2	50000
14	Mùi tàu	50000	0.08	4000	0.01	500	0.09	4500
15	Mùi ta	50000	0.08	4000	0.02	1000	0.1	5000
16	Hành hoa	40000	0.08	3200	0.02	800	0.1	4000
17	Sữa bột Nuvi	260000	3	780000	0.9	234000	3.9	1014000
18	Dầu ăn	75000	1.4	105000	0.4	30000	1.8	135000
19	Nước mắm	40000	0.5	20000	0.1	4000	0.6	24000
20	Hành khô	35000	0.08	2800	0.02	700	0.1	3500
21	Muối	6500	0.3	1950	0.1	650	0.4	2600
22	Hạt nêm	71000	0.5	35500	0.1	7100	0.6	42600
	<b>Cộng tiền</b>			3579750		1200550		4780300

#### IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 4,780,000
- Số tiền đã chi: 4780300
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -300